TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST Ngày: 16/11/2018 V/v Không công nhận là vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: **Âu Văn Nghị.**

- Ông: **Phan Thị Cẩm.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Nông Xuân Hanh -** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc *"Không công nhận là vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Nõm H' H**; Sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh L;

Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn***: Ông **Ntơr Y Th**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh L;

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*****: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;**

Trụ sở: Số 18, Trần Hữu D, huyện T, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc Kh**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Sỹ Q**; Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nỡm H' H trình bày:

Bà H và ông Ntơr Y Th có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh L từ năm 1992. Khoảng năm 1998 vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không đồng quan điểm trong cách sống, suy nghĩ, ông Th thường xuyên uống rượu về đánh vợ làm ảnh hưởng đến con. Cuộc vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H' H yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H' H yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận là vợ chồng với ông Ntơr Y Th.

Về con chung: Ông bà có với nhau 07 con chung là cháu Nỡm H' H, sinh năm 1994; Nhơm Ha N, sinh năm 1996; Nỡm H' H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1999; Nỡm Y L, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2000; Nhơm Y L, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2003; Nhơm Hơ Kh, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2007; Nhơm Hơ Ng, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009. Hiện các cháu H, N, H đã trưởng thành và tự chăm lo cho cuộc sống, các cháu Y L, Y L, Hơ Kh, Hơ Ng chưa đủ 18 tuổi nên bà H' H yêu cầu Tòa án giao 04 con chung cho bà nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Y Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nêu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đam Rông số tiền là 50.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông Th đã trả toàn bộ số nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Bà H không yêu cầu xét trách nhiệm trả nợ.

Ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Ntơr Y Th:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Th nhưng ông Th không chấp hành, không đến tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại văn bản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ông Ntơr Y Th, bà Nỡm H' H có vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đam Rông số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Nay bà H và ông Th ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông Th có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là

50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký. Ngày 12/9/2018, bà H, ông Th đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất nên Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận bà H và ông Th là vợ chồng; Về con chung: Giao 04 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luật tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ntơr Y Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nõm H’ H và ông Ntơr Y Th đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay và không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Cuộc sống chung giữa bà H và ông Th phát sinh nhiều mẫu thuẫn và có yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Th là không hợp pháp. Do đó, cần áp dụng Điều 11, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; Tuyên bố không công nhận bà Nõm H’ H và ông Ntơr Y Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông Thuật có 07 con chung là cháu Nõm H’ H, sinh năm 1994; Nhơm Ha N, sinh năm 1996; Nõm H’ H, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1999; Nõm Y L, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2000; Nhơm Y L, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2003; Nhơm Hơ Kh, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2007; Nhơm Hơ Ng, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009. Các cháu H, N, H đã trưởng thành và tự chăm lo cho cuộc sống nên bà Huế không yêu cầu. Đối với các cháu Y L, Y L, Hơ Kh, Hơ Ng chưa đủ 18 tuổi nên bà H’ H yêu cầu Tòa án giao 04 con chung cho bà nuôi dưỡng và không

yêu cầu ông Y Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao 04 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Ntơr Y Th, bà Nỡm H' H có vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đam Rông số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Ngân hàng có yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông Th có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký. Ngày 12/9/2018, bà H, ông Th đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi suất nên Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Do đó, áp dụng Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xét điều kiện kinh tế của nguyên đơn khó khăn, thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễm nộp tiền án phí nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 11, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 51, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 của Bộ luật dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với nguyên đơn bà Nỡm H' H và bị đơn ông Ntơr Y Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nỡm H' H và ông Ntơr Y Th là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao 04 con chung là cháu Nỡm Y L, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2000; Nhơm Y L, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2003; Nhơm Hơ Kh, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2007; Nhơm Hơ Ng, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 cho bà Nỡm H'

H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Ntơr Y Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nõm H' H. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nõm H' H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nõm H' H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003583 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho ông Hoàng Sỹ Q số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003627 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhân:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình